

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



Bài viết: “Tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin về tình hình nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác của Việt Nam với thị trường CPTPP tháng 8/2026”

Thuộc nhiệm vụ: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai Hiệp định CPTPP” năm 2026

Hà Nội, năm 2026

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KHÁC TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP	4
1.1. Tổng quan hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP	4
1.2. Về thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP	5
1.3. Về chủng loại máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng nhập khẩu từ thị trường CPTPP	8
II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP.....	11
III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG	22

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ các thị trường lớn thuộc CPTPP trong 7 tháng năm 2026	8
Bảng 2: Thị trường cung cấp máy xây dựng trong 7 tháng năm 2026	9
Bảng 3: Thị trường cung cấp chủng loại đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer trong 7 tháng năm 2026.....	9
Bảng 4: Thị trường cung cấp máy sản xuất nhựa, cao su trong 7 tháng năm 2026.....	10
Bảng 5: Thị trường cung cấp thiết bị đầu nối khác trong 7 tháng năm 2026.....	11
Bảng 6: Thị trường cung cấp phụ tùng của các loại máy khác trong 7 tháng năm 2026.....	11
Bảng 7: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Nhật Bản sang các thị trường trong 7 tháng năm 2026	13
Bảng 8: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Nhật Bản sang các thị trường trong 7 tháng năm 2026.....	16
Bảng 9: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Singapore sang các thị trường trong 5 tháng đầu năm 2026	18
Bảng 10: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Singapore sang các thị trường trong 5 tháng đầu năm 2026.....	20

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu 1: Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong thời gian 2025 – 2026 (<i>triệu USD</i>)	5
Biểu 2: Cơ cấu thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP của Việt Nam trong 7 tháng năm 2026	6

TÓM TẮT

Hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng từ các thị trường thành viên CPTPP vào Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định ở mức trên 20% trong các tháng cuối năm 2026. Sự chuyển dịch của chuỗi cung ứng công nghệ cao và làn sóng giải ngân vốn FDI đang tạo ra động lực mới cho hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP vào Việt Nam trong các tháng cuối năm 2026.

Theo ước tính, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác (*viết tắt là “máy móc, thiết bị”*) của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong tháng 8/2026 đạt khoảng 760 triệu USD, tăng 2,6% so với tháng 7/2026 và tăng 32,6% so với tháng 8/2025. Tính chung 8 tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam ước đạt 5,46 tỷ USD, tăng khoảng 23,3% so với cùng kỳ năm 2025.

Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong tháng 7/2026 đạt 740,7 triệu USD, tăng 7,6% so với tháng 6/2026, nhưng tăng 26,4% so với tháng 7/2025. Tính chung trong 7 tháng năm 2026, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam đạt 4,7 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 11,5% tổng kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam.

Nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong 7 tháng năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh, với kim ngạch nhập khẩu tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2025. Dù chiếm thị phần thấp hơn nhiều so với nguồn cung từ thị trường Trung Quốc, nhưng với quy mô đạt 4,7 tỷ USD, chiếm 11,4% tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này của Việt Nam, nhóm thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giữ vị trí là nguồn cung máy móc, thiết bị lớn thứ hai của Việt Nam.

Tỷ trọng nhập khẩu nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ hầu hết các thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng năm 2026 là có sự thay đổi so với cùng kỳ năm 2025 đó là tỷ trọng giảm ở các thị trường Nhật Bản và Canada, tăng ở các thị trường Malaysia, Singapore, Mêhicô, Australia và giữ nguyên ở thị trường Anh và New Zealand...

Xét về cơ cấu thị trường, ba thị trường Nhật Bản, Singapore và Malaysia tiếp tục khẳng định vai trò là những thị trường cốt lõi, chi phối phần lớn nguồn cung công nghệ nguồn, vi mạch bán dẫn, linh kiện điện tử và phụ tùng cơ khí chính xác hạ tầng tại Việt Nam. Song song với việc duy trì nền tảng sẵn có này, xu hướng mở rộng hành lang thương mại sang các thị trường tiềm năng trong khối như Anh, Mêhicô và Canada đang được các doanh nghiệp thúc đẩy mạnh nhằm tìm kiếm các giải pháp tối ưu hóa chi phí đầu vào.

NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KHÁC TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP

Theo ước tính, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác (*viết tắt là “máy móc, thiết bị”*) của Việt Nam từ thị trường CPTPP trong tháng 8/2026 đạt khoảng 760 triệu USD, tăng 2,6% so với tháng 7/2026 và tăng 32,6% so với tháng 8/2025. Tính chung 8 tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam ước đạt 5,46 tỷ USD, tăng khoảng 23,3% so với cùng kỳ năm 2025.

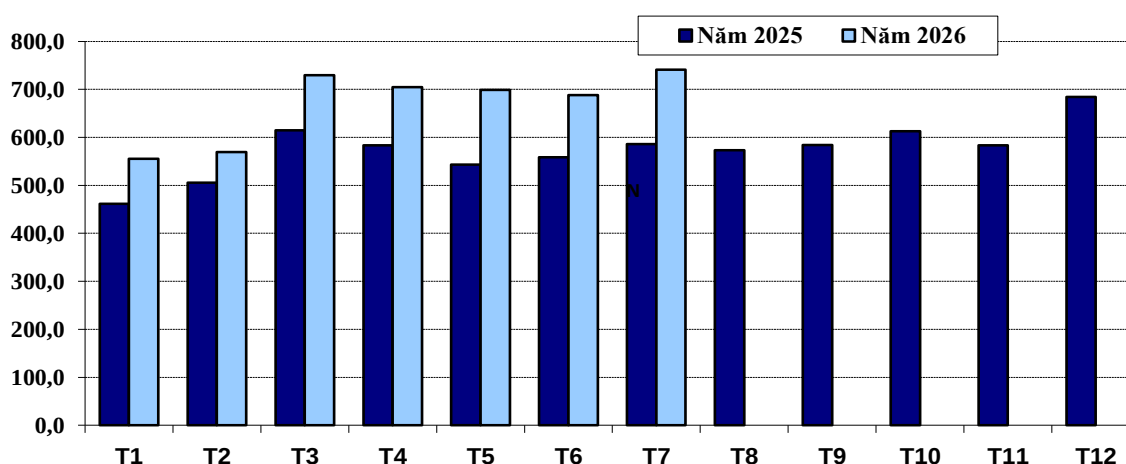
1.1. Tổng quan hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP

Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong tháng 7/2026 đạt 740,7 triệu USD, tăng 7,6% so với tháng 6/2026, nhưng tăng 26,4% so với tháng 7/2025. Tính chung trong 7 tháng năm 2026, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam đạt 4,7 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 11,5% tổng kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam.

Nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP của Việt Nam trong 7 tháng

năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh, với kim ngạch nhập khẩu tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2025. Dù chiếm thị phần thấp hơn nhiều so với nguồn cung từ thị trường Trung Quốc, nhưng với quy mô đạt 4,7 tỷ USD, chiếm 11,4% tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này của Việt Nam, nhóm thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giữ vị trí là nguồn cung máy móc, thiết bị lớn thứ hai của Việt Nam.

Biểu 1: Kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam từ thị trường CPTPP qua các tháng trong năm 2025 – 2026 (triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

1.2. Thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP

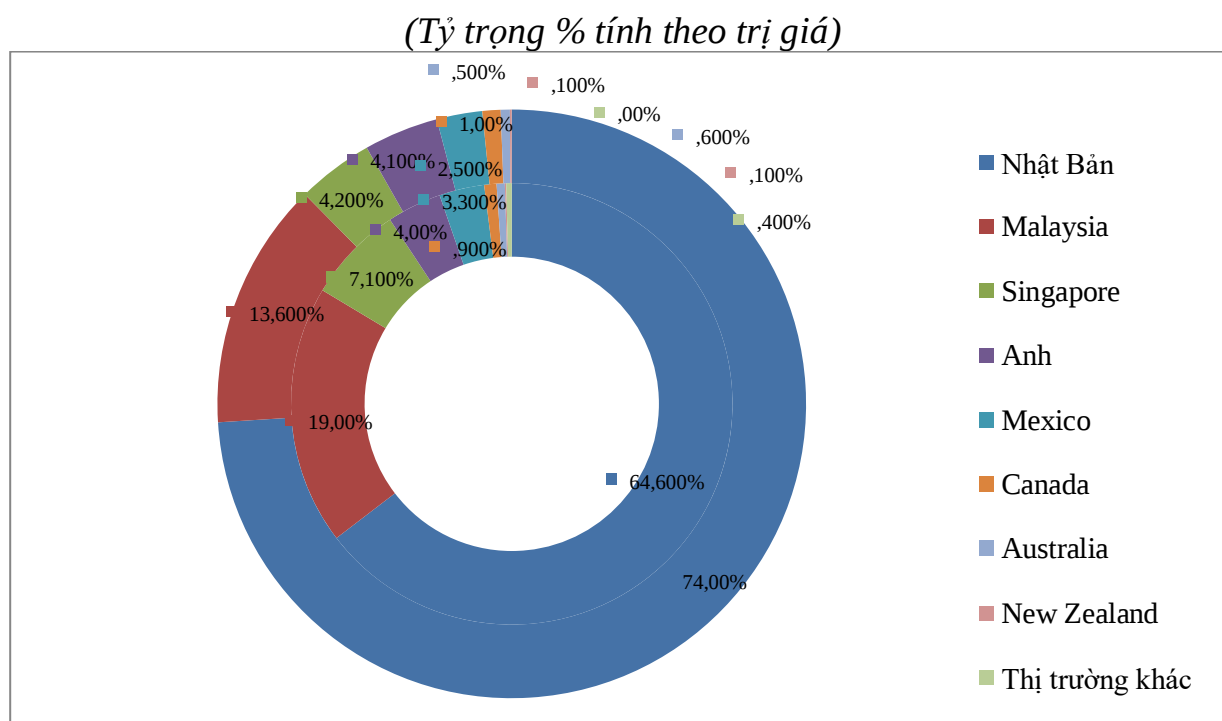
Tỷ trọng nhập khẩu nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ hầu hết các thị trường thành viên CPTPP trong 7 tháng năm 2026 là có sự thay đổi so với cùng kỳ năm 2025 đó là tỷ trọng giảm ở các thị trường Nhật Bản và Canada, tăng ở các thị trường Malaysia, Singapore, Mêhicô, Australia và giữ nguyên ở thị trường Anh và New Zealand...

Trong 7 tháng năm 2026, nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ hầu hết các thị trường thuộc CPTPP đều tăng so với cùng kỳ năm 2025, cụ thể :

Nhật Bản tiếp tục là nguồn cung máy móc, thiết bị lớn nhất cho thị trường Việt

Nam trong CPTPP với kim ngạch đạt 3,04 tỷ USD trong 7 tháng năm 2026, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù, mức tăng này không cao như các thị trường còn lại nhưng Nhật Bản vẫn là thị trường quan trọng cung cấp mặt hàng máy móc, thiết bị cho Việt Nam. Tỷ trọng nhập khẩu từ Nhật Bản trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của toàn thị trường CPTPP giảm từ 74% trong 7 tháng năm 2025 xuống còn 64,8% trong 7 tháng năm 2026 cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam vẫn theo xu hướng mở rộng nhập khẩu từ các quốc gia thành viên khác trong khối, nhằm giảm thiểu rủi ro do phụ thuộc vào thị trường lớn nhất này.

Biểu 2: Cơ cấu thị trường nhập khẩu máy móc, thiết bị từ các nước thành viên CPTPP của Việt Nam trong 7 tháng năm 2026



* Ghi chú: 7 tháng năm 2026 (vòng trong) và 7 tháng năm 2025 (vòng ngoài)

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Malaysia đứng thứ hai trong nhóm CPTPP về cung cấp mặt hàng này cho Việt Nam trong 7 tháng năm 2026, đạt 894,7 triệu USD, tăng 70,2% so với cùng kỳ năm 2025, tỷ trọng nhập khẩu từ thị trường Malaysia trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của toàn thị trường CPTPP tăng từ 13,6% trong 7 tháng năm 2025 lên mức

19,1% trong 7 tháng năm 2026, cho thấy vai trò ngày càng gia tăng của Malaysia trong cơ cấu nguồn cung hàng tư liệu sản xuất thuộc thị trường CPTPP, nhờ sở hữu những lợi thế vượt trội về giá thành sản phẩm và chi phí vận chuyển.

Đáng chú ý, nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường Singapore về Việt Nam cũng tăng rất mạnh trong 7 tháng năm 2026, đạt 334,7 triệu USD, tăng 107,7% so với cùng kỳ năm 2025. Cùng với đó, tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ CPTPP trong 7 tháng năm 2026 ở mức 7,1%, cao hơn so với tỷ trọng 4,2% trong 7 tháng năm 2025. Với kim ngạch nhập khẩu máy móc từ thị trường này tăng mạnh phản ánh nhu cầu đưa trang thiết bị hiện đại vào Việt Nam của các doanh nghiệp Singapore để triển khai các dự án hạ tầng, khu công nghiệp và công nghệ cao.

Ngoài ra, một số thị trường CPTPP khác nổi lên với tốc độ tăng trưởng cao, trong đó nhập khẩu từ thị trường Anh đạt 190,2 triệu USD, tăng 20,6%; thị trường Mêhicô đạt 155,9 triệu USD, tăng 60,1%; Canada đạt 41,3 triệu USD, tăng 7,4%; Australia đạt 27,3 triệu USD, tăng 53,2%; New Zealand đạt 5,9 triệu USD, tăng 28,5%;... Với mức tăng trưởng khá cao của các thị trường này trong 7 tháng năm 2026 phản ánh chiến lược chủ động đa dạng hóa nguồn cung của doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam nhằm tận dụng lộ trình giảm thuế sâu trong thị trường CPTPP. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng cao từ nhóm thị trường châu Mỹ và động lực mới từ thị trường Anh là cầu nối quan trọng giúp phân tán rủi ro logistics toàn cầu trước các biến động địa chính trị, tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp cận nguồn công nghệ cao phục vụ quá trình chuyển đổi sản xuất xanh và hiện đại.

Bảng 1: Nhập khẩu máy móc, thiết bị về Việt Nam từ các thị trường lớn thuộc CPTPP trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	Tháng 7/2026 (nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	740.685	7,6	26,4	4.701.483	21,7	100,0	100,0
Nhật Bản	471.939	2,3	14,5	3.037.503	6,6	64,8	74,0
Malaysia	141.520	21,7	57,2	894.711	70,2	19,1	13,6

Thị trường	Tháng 7/2026 (nghìn USD)	So với tháng 6/2026 (%)	So với tháng 7/2025 (%)	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Singapore	49.400	11,1	98,6	334.665	107,7	7,1	4,2
Anh	31.045	18,8	-12,3	190.211	20,6	4,1	4,1
Mexico	35.521	40,6	131	155.914	60,1	3,3	2,5
Canada	4.143	-54,3	-23,8	41.293	7,4	0,9	1,0
Australia	6.034	23,8	166,1	27.303	53,2	0,6	0,5
New Zealand	1.083	37,4	141,1	5.920	28,5	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

1.3. Chứng loại máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng nhập khẩu từ thị trường CPTPP

+ Máy xây dựng:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu máy xây dựng từ thị trường CPTPP về Việt Nam trong 7 tháng năm 2026 đạt 196,8 triệu USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2025.

Nhập khẩu máy xây dựng từ thị trường CPTPP tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu là do nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản tăng, ngoài ra còn nhập khẩu lớn từ thị trường Australia, Canada và Singapore với kim ngạch nhập khẩu đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2025.

Bảng 2: Thị trường cung cấp máy xây dựng trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	7 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Tổng	196.756	165.292	19,0
Nhật Bản	185.926	157.128	18,3
Australia	7.376	5.264	40,1
Canada	1.679	1.017	65,1

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	7 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Singapore	1.170	702	66,8
New Zealand	274	419	-34,6
Chilê	191	198	-3,6
Anh	70	519	-86,4
Malaysia	68	46	48,5

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer:

Trong 7 tháng năm 2026, nhập khẩu đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer từ CPTPP về Việt Nam đạt 142,6 triệu USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó, Nhật Bản tiếp tục là thị trường cung cấp lớn nhất, tiếp theo là Singapore, Malaysia...Đáng chú ý, nhập khẩu từ ba thị trường Singapora, Mêhicô và Australia tăng mạnh, còn nhập khẩu từ Malaysia giảm khá mạnh.

Bảng 3: Thị trường cung cấp chủng loại đầu nối và bộ phận tiếp xúc cho dây dẫn, cáp, đầu dò wafer trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	7 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Tổng	142.564	122.601	16,3
Nhật Bản	96.453	94.372	2,2
Singapore	41.350	22.978	80,0
Malaysia	2.484	3.158	-21,3
Anh	1.827	1.615	13,1
Mêhicô	256	112	128,0
Canada	124	327	-62,0
Australia	61	11	470,5
Chilê	9	15	-40,1
New Zealand		14	

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Máy sản xuất nhựa, cao su

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, nhập khẩu máy sản xuất nhựa, cao su từ CPTPP về Việt Nam trong 7 tháng năm 2026 đạt 66,8 triệu USD, giảm mạnh 16,9% so cùng kỳ năm 2025.

Nhập khẩu máy sản xuất nhựa, cao su từ CPTPP giảm so với cùng kỳ năm 2025 là do nhập khẩu từ thị trường lớn nhất là Nhật Bản giảm. Nhập khẩu từ thị trường lớn thứ 2 là Malaysia cũng giảm mạnh. Trong khi đó, nhập khẩu máy này từ thị trường Canada mặc dù đạt kim ngạch chưa cao nhưng lại tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm 2025.

Bảng 4: Thị trường cung cấp máy sản xuất nhựa, cao su trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	7 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Tổng	66.802	80.415	-16,9
Nhật Bản	58.860	71.556	-17,7
Malaysia	2.896	4.792	-39,6
Canada	2.863	25	11.526,2
Singapore	1.275	3.135	-59,3
Australia	488	35	1.287,2
Mêhicô	272	343	-20,7
Anh	148	529	-71,9

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Thiết bị đầu nối khác

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, 7 tháng năm 2026, nhập khẩu thiết bị đầu nối khác từ CPTPP về Việt Nam đạt 54,6 triệu USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó, Nhật Bản là thị trường cung cấp lớn nhất cho Việt Nam, tiếp theo là các thị trường Singapore, Malaysia...

Bảng 5: Thị trường cung cấp thiết bị đầu nối khác trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	7 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Tổng	54.620,6	54.399,6	0,4
Nhật Bản	36.578,0	38.704,4	-5,5
Singapore	15.203,1	12.267,0	23,9
Malaysia	2.496,3	2.628,2	-5,0
Mêhicô	214,5	516,1	-58,4
Anh	47,2	142,7	-67,0
Australia	45,6	69,1	-33,9
Canada	22,7	69,7	-67,5
New Zealand	11,7	2,4	387,0
Brunei	1,5	0,0	

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Tổ máy phát điện diesel

Trong 7 tháng năm 2026, nhập khẩu tổ máy phát điện diesel từ CPTPP về Việt Nam đạt 39,3 triệu USD, tăng 30,9% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó, nhập khẩu nhiều từ 3 thị trường Anh, Singapore và Nhật Bản.

Bảng 6: Thị trường cung cấp Tổ máy phát điện diesel trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	7 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So sánh (%)
Tổng	39.274,5	30.007,0	30,9
Anh	13.404,4	7.959,3	68,4
Singapore	11.880,4	15.708,4	-24,4
Nhật Bản	11.281,7	6.209,8	81,7
Malaysia	2.423,4	74,9	3.137,0
Australia	284,6	50,6	462,9
Canada		4,0	

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

II. ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, THỊ PHẦN VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CPTPP

*** Đánh giá chung:**

Phân tích xu hướng chuyển dịch công nghệ toàn cầu cho thấy năng lực cạnh tranh của nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng (mã HS 84 và HS 85) từ các thị trường thành viên CPTPP tại Việt Nam đang có sự thay đổi rõ rệt. Thay vì chỉ tập trung vào các tiêu chí giá thành đơn thuần, năng lực cạnh tranh của hàng nhập khẩu nội khối hiện nay được định hình bằng hàm lượng công nghệ số và tính tương thích cao với hạ tầng tự động hóa. Thực tế này đang đẩy các nhà sản xuất lớn tại Việt Nam, đặc biệt là khối doanh nghiệp FDI, vào xu hướng nâng cao tiêu chuẩn chọn lọc đối tác cung ứng thông qua các chứng nhận xanh về phát thải thấp và khả năng truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng. Diễn biến trên giúp các dòng máy móc công nghệ thế hệ mới từ thị trường CPTPP tiếp tục duy trì lợi thế áp đảo so với các nguồn cung ngoài khối nhằm đáp ứng chính xác chiến lược chuyển đổi số và xanh hóa dây chuyền sản xuất trong nước.

Sự phân hóa về nhu cầu tiêu thụ công nghiệp nội địa thời gian qua cũng tạo ra hai làn sóng bất phá trái chiều về mặt trị giá thương mại giữa các nhóm hàng. Trong khi mảng máy móc cơ khí truyền thống, nồi hơi và thiết bị nhà xưởng (mã HS 84) có dấu hiệu bão hòa và sụt giảm kim ngạch hệ thống do các dự án hạ tầng lớn đã hoàn thành giai đoạn đầu tư gốc, thì nhóm máy móc điện tử, linh kiện vi mạch và hạ tầng viễn thông thông minh (mã HS 85) lại ghi nhận tốc độ tăng trưởng từ thị trường CPTPP. Sự chuyển hướng này khẳng định vị thế của hàng nhập khẩu công nghệ cao nội khối không còn nằm ở phân khúc lắp ráp thô, mà đang dịch chuyển sâu vào lõi chuỗi giá trị và hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo (AI) đang hình thành mạnh mẽ tại Việt Nam.

***Thị trường Nhật Bản**

Sự tăng tốc của ngành chế tạo công nghệ cao Nhật Bản trong các tháng gần đây đang tạo ra những chuyển dịch trong cơ cấu phân phối thiết bị sang các thị trường nhập khẩu nội thị trường CPTPP.

Theo báo cáo mới nhất từ Hiệp hội các nhà sản xuất máy công cụ Nhật Bản (JMTBA) công bố cuối tháng 8/2026, sự bùng nổ của làn sóng tự động hóa và các trung tâm dữ liệu thế hệ mới đã thúc đẩy lượng đơn đặt hàng quốc tế tăng trưởng vượt bậc, ghi nhận mức tăng 52,7% tính riêng trong tháng 6 và đưa tổng giá trị đơn

hàng lũy kế 7 tháng năm 2026 lên mức tăng 37,8% so với cùng kỳ năm trước. Lực cung ứng dồi dào này không chỉ củng cố vị thế dẫn đầu của Nhật Bản ở các phân khúc lõi như hệ thống CNC hay robot công nghiệp (chiếm 38% nguồn cung toàn cầu), mà còn làm thay đổi hoàn toàn cục diện tiếp cận công nghệ của các quốc gia hạ nguồn, tiêu biểu là Việt Nam.

Tình hình xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Nhật Bản

Theo thống kê của ITC, xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Nhật Bản trong 7 tháng năm 2026 đạt 77,5 tỷ USD, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Thị trường Nhật Bản xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 lớn nhất sang hai thị trường Mỹ và Trung Quốc, chiếm lần lượt 22,9% và 21,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, xuất khẩu sang 2 thị trường này đều giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2025 với mức giảm lần lượt là 2,8% và 2,5%. Tiếp đến là Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan...

Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Nhật Bản sang Việt Nam trong 7 tháng năm 2026 đạt 1,62 tỷ USD, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 2,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Mặc dù tỷ trọng xuất khẩu sang Việt Nam còn khiêm tốn so với các thị trường xuất khẩu chủ lực khác của Nhật Bản, nhưng mức tăng trưởng khả quan này là tín hiệu cho thấy nhu cầu đối với máy móc, thiết bị cơ khí Nhật Bản tại thị trường Việt Nam đang hồi phục mạnh mẽ.

Bảng 7: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Nhật Bản sang các thị trường trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	77.514.251	1,6	100,0	100,0
Mỹ	17.738.876	-2,8	22,9	23,9
Trung Quốc	16.762.475	-2,5	21,6	22,5
Đài Loan	6.957.755	8,0	9,0	8,4

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Hàn Quốc	6.125.869	10,6	7,9	7,3
Thái Lan	2.811.200	2,1	3,6	3,6
Hà Lan	2.175.118	9,2	2,8	2,6
Ấn Độ	1.868.497	-7,5	2,4	2,6
Singapore	1.793.935	9,0	2,3	2,2
Đức	1.721.300	9,0	2,2	2,1
Anh	1.639.589	19,2	2,1	1,8
Việt Nam	1.624.658	9,9	2,1	1,9
Indonesia	1.549.962	-12,1	2,0	2,3
Malaysia	1.328.468	10,6	1,7	1,6
Mêhicô	1.107.794	-3,5	1,4	1,5
Australia	938.552	11,2	1,2	1,1
Pháp	874.999	33,1	1,1	0,9
Bỉ	812.489	25,1	1,0	0,9
Philippin	782.964	-9,7	1,0	1,1
Hồng Kông	758.635	12,8	1,0	0,9
Canada	689.184	18,6	0,9	0,8
Braxin	655.984	1,0	0,8	0,9
UAE	571.492	-42,6	0,7	1,3
Italy	504.264	-8,9	0,7	0,7
Arập Xêut	473.092	22,7	0,6	0,5
Thổ Nhĩ Kỳ	468.469	-24,5	0,6	0,8
Tây Ban Nha	315.152	21,8	0,4	0,3
Ba Lan	278.926	12,3	0,4	0,3
áo	249.114	70,9	0,3	0,2
Panama	220.609	16,3	0,3	0,2
Nam Phi	220.093	-11,2	0,3	0,3
Hunggary	190.204	-2,7	0,2	0,3
Cộng Hoà Séc	187.409	3,8	0,2	0,2
Luxembua	180.153	9,1	0,2	0,2
New Zealand	174.777	27,6	0,2	0,2

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Pakixtan	145.592	19,2	0,2	0,2
Chilê	135.612	4,6	0,2	0,2
Achentina	130.205	22,2	0,2	0,1
Ai Len	128.907	54,4	0,2	0,1
Ai Cập	104.519	5,6	0,1	0,1
Thụy Điển	100.358	18,7	0,1	0,1
Marôc	96.235	588,5	0,1	0,0
Kazakhstan	95.994	52,0	0,1	0,1
Côlombia	89.430	17,4	0,1	0,1

Nguồn: Theo thống kê của ITC

Nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Nhật Bản

Theo thống kê của ITC, nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Nhật Bản trong 7 tháng năm 2026 đạt 70 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 85 của Nhật Bản, đạt 15,4 tỷ USD, chiếm 21,4% tỷ trọng. Tiếp đến là Đài Loan, Mỹ, Hồng Kông, Hàn Quốc, Thái Lan...

Trong khi đó, Việt Nam tiếp tục là một trong những thị trường có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu HS 85 từ Nhật Bản ở mức cao, với kim ngạch xuất khẩu sang Việt Nam trong 7 tháng năm 2026 đạt 3,3 tỷ USD, tăng 34,1% so với cùng kỳ năm 2025. Tỷ trọng của Việt Nam trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Nhật Bản cũng tăng từ 4,1% trong 7 tháng năm 2025 lên 4,7% trong 7 tháng năm 2026. Diễn biến này cho thấy vị thế của thị trường Việt Nam trong cơ cấu xuất khẩu nhóm hàng máy móc, thiết bị điện và điện tử của Nhật Bản đang theo xu hướng ngày càng được củng cố và gia tăng rõ rệt.

Bảng 8: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Nhật Bản sang các thị trường trong 7 tháng năm 2026

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Tổng	70.014.610	18,2	100,0	100,0
Trung Quốc	15.419.522	25,3	22,0	20,8
Đài Loan	9.910.474	35,5	14,2	12,3
Mỹ	9.818.084	6,8	14,0	15,5
Hồng Kông	6.647.396	10,1	9,5	10,2
Hàn Quốc	3.991.868	6,1	5,7	6,4
Thái Lan	3.289.708	15,8	4,7	4,8
Việt Nam	3.264.762	34,1	4,7	4,1
Malaysia	2.451.129	25,4	3,5	3,3
Singapore	2.119.789	25,9	3,0	2,8
Đức	1.908.312	10,3	2,7	2,9
Philippin	1.443.036	12,7	2,1	2,2
Mêhicô	1.431.714	20,9	2,0	2,0
Ấn Độ	1.384.855	15,8	2,0	2,0
Hà Lan	1.131.565	0,6	1,6	1,9
Indonesia	711.456	11,6	1,0	1,1
Canada	621.894	62,8	0,9	0,6
Cộng Hoà Séc	616.556	24,2	0,9	0,8
Pháp	511.419	6,8	0,7	0,8
Anh	465.092	23,3	0,7	0,6
Braxin	302.240	3,7	0,4	0,5
Thổ Nhĩ Kỳ	230.949	-19,5	0,3	0,5
Hunggary	202.399	-1,4	0,3	0,3
Bỉ	189.506	23	0,3	0,3
Australia	173.038	13,7	0,2	0,3
Arập Xêut	171.697	104,5	0,2	0,1
Tây Ban Nha	160.747	21,3	0,2	0,2
UAE	158.045	-10,4	0,2	0,3
Ba Lan	152.924	27,2	0,2	0,2
Italy	115.756	-17,1	0,2	0,2
Nam Phi	92.468	48,7	0,1	0,1

Thị trường	7 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			7 tháng năm 2026	7 tháng năm 2025
Campuchia	65.626	39,8	0,1	0,1
Thụy Điển	59.784	13,2	0,1	0,1
Marôc	50.125	64,6	0,1	0,1
Ai Len	43.896	20,8	0,1	0,1
Luxembua	41.005	3	0,1	0,1
Ai Cập	39.722	7	0,1	0,1
Thụy Sĩ	38.927	-0,4	0,1	0,1
Áo	38.879	44,7	0,1	0,0
Macao	36.063	102,7	0,1	0,0
Phân Lan	35.046	15,6	0,1	0,1
Achentina	30.406	-3,4	0,0	0,1
Pakixtan	27.216	-5,2	0,0	0,0
Ixraen	26.378	37	0,0	0,0

Nguồn: Theo thống kê của ITC

***Thị trường Singapore**

Trong cơ cấu nhập khẩu máy móc và thiết bị của Việt Nam, Singapore đóng vai trò là nguồn cung ứng công nghệ cao và là trạm trung chuyển chiến lược bậc nhất tại khu vực Đông Nam Á. Nhờ hạ tầng logistics tối tân, quốc gia này không chỉ là cửa ngõ điều phối, tạm nhập tái xuất các dòng máy móc công nghệ lớn từ các cường quốc về Việt Nam, mà còn trực tiếp cung cấp các sản phẩm cốt lõi như linh kiện bán dẫn, mạch tích hợp và thiết bị mạng chuyên dụng. Sự hỗ trợ kỹ thuật này kết hợp với mạng lưới điều hành của các tập đoàn đa quốc gia đặt tại Singapore giúp đảm bảo tính liên tục của chuỗi cung ứng công nghiệp chế tạo và thúc đẩy xu hướng chuyển giao công nghệ cao vào Việt Nam.

Tình hình xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Singapore

Theo thống kê của ITC, xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (HS 84) của thị trường Singapore trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 94,1 tỷ USD, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm 2025. Đài

Loan là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 84 của Singapore, chiếm tới 34,1% tỷ trọng. Tiếp đến là Trung Quốc, Mỹ, Mêhicô,...

Trong khi đó, Việt Nam là thị trường nhập khẩu lớn thứ 14 nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Singapore, đạt 1,18 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2026, chiếm 1,3% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Singapore trong 6 tháng đầu năm 2026.

Đáng chú ý, thị trường Singapore xuất khẩu sang nhiều thị trường giảm đáng kể. Sự suy giảm mang tính hệ thống này phản ánh xu hướng điều chỉnh dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu, khi các quốc gia đang giảm dần tỷ trọng nhập khẩu máy móc cơ khí truyền thống để tập trung nguồn lực cho các thiết bị điện tử thông minh và cơ sở hạ tầng công nghệ phục vụ trí tuệ nhân tạo (AI).

Bảng 9: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của thị trường Singapore sang các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)
Tổng	94.087.551	100
Đài Loan	32.071.036	34,1
Trung Quốc	9.400.201	10
Mỹ	8.353.140	8,9
Mêhicô	6.061.670	6,4
Malaysia	5.122.440	5,4
Hàn Quốc	4.519.604	4,8
Nhật Bản	3.540.929	3,8
Ấn Độ	3.048.729	3,2
Hồng Kông	3.001.934	3,2
Indonesia	2.724.152	2,9
Australia	1.529.627	1,6
Anh	1.341.593	1,4
Đức	1.219.922	1,3
Việt Nam	1.184.249	1,3
Philippin	1.115.522	1,2
Thái Lan	1.036.438	1,1

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	Tỷ trọng (%)
Hà Lan	983.768	1
UAE	759.817	0,8
Pháp	740.222	0,8
Ai Len	540.289	0,6
Braxin	522.130	0,6
Cộng Hoà Séc	489.062	0,5
New Zealand	445.445	0,5
Ba Lan	423.852	0,5
Bỉ	367.358	0,4
Thụy Sĩ	279.698	0,3
Canada	271.156	0,3
Thổ Nhĩ Kỳ	214.933	0,2
Arập Xêút	205.576	0,2
Ixraen	195.176	0,2
Tây Ban Nha	145.439	0,2
Luxembua	141.430	0,2
Bangladet	138.944	0,1
Brunei	128.438	0,1
Qatar	114.570	0,1
Pakixtan	111.450	0,1
Chilê	105.795	0,1
Côoét	103.792	0,1
Italy	100.163	0,1
Na Uy	90.956	0,1
Thụy Điển	87.756	0,1
Xri Lanca	62.663	0,1
Oman	57.129	0,1

Nguồn: Theo thống kê của ITC

Nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Singapore

Theo thống kê của ITC, nhóm hàng máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền

hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên (HS 85) của thị trường Singapore trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 142,8 tỷ USD, tăng 53% so với cùng kỳ năm 2025. Hồng Kông là thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng có mã HS 85 của Singapore, chiếm 36,8% tỷ trọng. Tiếp đến là Thái Lan, Mỹ, Đài Loan, Malaysia, Trung Quốc...

Việt Nam là thị trường nhập khẩu lớn thứ 8 nhóm hàng mã HS 85 của thị trường Singapore trong 6 tháng đầu năm 2026, đạt kim ngạch 5,56 tỷ USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 3,9% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Singapore trong 6 tháng đầu năm 2026, thấp hơn với mức 5,8% trong cùng kỳ năm 2025.

Bảng 10: Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 85 của Singapore sang các thị trường trong 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng	142.827.690	53,0	100	100
Hồng Kông	29.844.876	36,8	20,9	23,4
Thái Lan	17.576.949	240,6	12,3	5,5
Mỹ	14.270.913	66,7	10	9,2
Đài Loan	14.253.577	98,4	10	7,7
Malaysia	13.728.181	58,1	9,6	9,3
Trung Quốc	12.735.743	23,8	8,9	11
Hàn Quốc	6.735.578	55,9	4,7	4,6
Việt Nam	5.555.841	1,8	3,9	5,8
Mêhicô	5.263.130	136,2	3,7	2,4
Indonesia	4.564.724	-7,6	3,2	5,3
Ấn Độ	3.287.056	21,2	2,3	2,9
Nhật Bản	3.140.816	29,8	2,2	2,6
Đức	2.270.687	16,7	1,6	2,1
Philippin	2.187.665	4,4	1,5	2,2
Hà Lan	1.647.767	47,5	1,2	1,2
Australia	685.164	40,2	0,5	0,5
Pháp	581.312	72,6	0,4	0,4

Thị trường	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
			6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
UAE	523.904	-10,2	0,4	0,6
Ixraen	267.449	210,8	0,2	0,1
Bồ Đào Nha	261.372	25,9	0,2	0,2
Anh	252.363	14,5	0,2	0,2
Phần Lan	245.331	197,5	0,2	0,1
Cộng Hoà Séc	220.842	82,3	0,2	0,1
Canada	198.877	-2,2	0,1	0,2
Braxin	193.956	-3,6	0,1	0,2
Ba Lan	187.648	17,3	0,1	0,2
Ai Len	145.387	179,5	0,1	0,1
Hunggary	137.776	71,2	0,1	0,1
Bangladet	134.388	36,1	0,1	0,1
Marôc	128.663	6,8	0,1	0,1
Pakixtan	125.999	86,3	0,1	0,1
Myanma	125.022	137	0,1	0,1
Italy	123.129	15,5	0,1	0,1
New Zealand	77.476	13,7	0,1	0,1
Arập Xêut	77.412	40	0,1	0,1

Nguồn: Theo thống kê của ITC

*** So sánh năng lực cung ứng trong khối:**

Trong 7 tháng năm 2026, năng lực cung ứng máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác từ thị trường CPTPP vào Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng ổn định với mức tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Sự phát triển này chịu ảnh hưởng lớn từ quá trình dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và việc tối ưu hóa các ưu đãi thuế quan của Hiệp định. Tuy nhiên, năng lực cung ứng giữa các thị trường thành viên trong khối lại cho thấy một bức tranh phân hóa rõ rệt, được định hình bởi thể mạnh công nghệ và khoảng cách địa lý của từng nước đối với thị trường Việt Nam.

Nhật Bản vẫn giữ vững vai trò đối tác chiến lược số một về quy mô kim ngạch, đóng vai trò nhà cung ứng cốt lõi các dòng máy móc công nghiệp nặng, thiết bị cơ

khí chính xác và hệ thống tự động hóa chất lượng cao cho các nhà máy tại Việt Nam. Trong khi đó, Singapore lại là quốc gia tăng trưởng mạnh nhất trong 7 tháng năm 2026. Năng lực của Singapore tập trung mạnh mẽ vào các phân khúc thiết bị bán dẫn, máy móc điện tử chuyên dụng và các linh kiện viễn thông thế hệ mới.

Ở phân khúc tiếp theo, các thị trường như Malaysia và Mêhicô đang dần tối ưu hóa năng lực sản xuất để gia tăng thị phần cung ứng tại Việt Nam. Nhờ khoảng cách địa lý thuận lợi trong nội khối ASEAN, Malaysia duy trì mức tăng trưởng hai con số bằng cách cung cấp đều đặn các linh kiện phụ tùng điện, thiết bị phụ trợ trung cấp phục vụ trực tiếp cho các chuỗi lắp ráp điện tử tại Việt Nam. Trong khi đó, Mêhicô lại đóng vai trò là một điểm sáng mới ở khu vực châu Mỹ, thị trường này đang tận dụng tốt hành lang thương mại xuyên Thái Bình Dương để cung ứng các loại linh kiện máy móc vận tải và cơ khí chế tạo sang thị trường Việt Nam.

Trái lại, năng lực cung ứng của nhóm các thị trường còn lại như Canada, Australia và New Zealand đang có xu hướng chững lại hoặc thu hẹp tỷ trọng. Do rào cản về khoảng cách địa lý xa xôi và chi phí logistics tăng cao, máy móc từ Canada khó cạnh tranh hơn về giá so với các đối tác trong khu vực châu Á, dẫn đến kim ngạch dịch chuyển giảm nhẹ. Tương tự, Australia và New Zealand chủ yếu chỉ duy trì dòng chảy thương mại ở một số mặt hàng thiết bị chuyên ngành đặc thù có tính bảo trợ cao, thay vì tham gia sâu vào chuỗi cung ứng máy móc công nghiệp tổng thể cho Việt Nam trong giai đoạn này.

III. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG

Hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng từ các thị trường thành viên CPTPP vào Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực trong các tháng cuối năm 2026. Sự chuyển dịch của chuỗi cung ứng công nghệ cao và làn sóng giải ngân vốn FDI đang tạo ra động lực mới cho hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ thị trường CPTPP vào Việt Nam trong các tháng cuối năm 2026. Bên cạnh đòn bẩy từ lộ trình áp thuế 0%, dòng chảy thương mại này còn được tăng tốc bởi cơ chế cộng gộp xuất xứ đặc trưng của Hiệp định, giúp các tập đoàn đa quốc gia tối ưu hóa bài toán điều phối linh kiện giữa Việt Nam và các thị trường thành viên.

Đặc biệt, nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam trong các tháng cuối năm 2026 đang chuyển mình mạnh mẽ theo xu hướng sinh thái hóa dưới áp lực của các rào cản kỹ thuật quốc tế như CBAM và cam kết Net Zero của Chính phủ. Trạng thái này buộc các nhà máy sản xuất nội địa phải từ bỏ các công nghệ cũ để đầu tư vào các hệ thống tự động hóa tuần hoàn, thiết bị tiết kiệm năng lượng và các cấu kiện xanh. Đây vốn là những phân khúc mà Nhật Bản và Singapore đang nắm giữ lợi thế, tạo điều kiện cho các dòng máy móc công nghệ sạch này xuất khẩu nhiều vào thị trường Việt Nam qua các kênh ưu đãi thuế quan.

Động lực hiện đại hóa này càng trở nên cấp bách dưới tác động của Văn bản hợp nhất 14/2026/VBHN-QĐ-BKHCN có hiệu lực từ cuối tháng 8 năm 2026. Bằng việc siết chặt các tiêu chí về tuổi đời và hiệu suất đối với thiết bị đã qua sử dụng, quy định mới này đã làm hạn chế nguồn cung máy móc cũ giá rẻ. Vì vậy trong các tháng tới, dòng vốn nhập khẩu của doanh nghiệp dự kiến sẽ tập trung vào phân khúc máy móc mới 100% có hàm lượng kỹ thuật cao để đảm bảo điều kiện thông quan và đạt chuẩn xanh khi xuất khẩu.

Mặc dù vậy, doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam vẫn phải đối mặt với bài toán chi phí khi giá cước vận tải biển xuyên Thái Bình Dương liên tục leo thang, làm giảm lợi thế cạnh tranh về logistics của các thị trường xa như Mêhicô, Canada hay Australia. Để thích ứng, xu hướng đa dạng hóa thị trường sẽ được đẩy mạnh. Song song với việc lấy Nhật Bản, Singapore và Malaysia là những thị trường quan trọng để cung ứng vi mạch, bán dẫn và cơ khí chính xác, các doanh nghiệp đang hướng tầm nhìn sang các đối tác mới, đặc biệt là thị trường Anh - thành viên mới vừa gia nhập khối. Việc khai thác nguồn cung công nghệ nguồn từ Anh hay các nước châu Mỹ không chỉ giúp giảm rủi ro đứt gãy chuỗi logistics đơn lẻ trước biến động địa chính trị, mà còn tạo thế chân kiềng để doanh nghiệp so sánh giá, tận dụng tối đa ưu đãi thuế nhằm tối ưu giá thành đầu vào cho mùa sản xuất cao điểm.

Xét về cơ cấu thị trường, bộ ba Nhật Bản, Singapore và Malaysia tiếp tục khẳng định vai trò là những thị trường cốt lõi, chi phối phần lớn nguồn cung công nghệ nguồn, vi mạch bán dẫn, linh kiện điện tử và phụ tùng cơ khí chính xác hạ tầng tại Việt Nam. Song song với việc duy trì nền tảng sẵn có này, xu hướng mở rộng

hành lang thương mại sang các thị trường tiềm năng trong khối như Anh, Mêhicô và Canada đang được các doanh nghiệp ráo riết thúc đẩy nhằm tìm kiếm các giải pháp tối ưu hóa chi phí đầu vào.

Việc chủ động nhập khẩu máy móc, thiết bị từ nhiều thị trường thành viên khác nhau trong CPTPP không đơn thuần là bài toán kinh tế, mà còn là lá chắn phòng vệ chiến lược giúp các nhà sản xuất nội địa hóa giải rủi ro phụ thuộc vào một vài đối tác truyền thống. Trong bối cảnh an ninh hàng hải toàn cầu dễ tổn thương, việc phân tán nguồn cung sẽ giảm thiểu rủi ro đứt gãy dây chuyền sản xuất trước các cú sốc địa chính trị hay sự cố logistics đơn lẻ. Quan trọng hơn, không gian địa lý thương mại mở rộng này tạo ra vị thế đàm phán thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam, cho phép họ so sánh giá thành trực diện giữa các nhà thầu và khai thác triệt để lợi thế từ lộ trình cắt giảm thuế suất về 0% để bảo toàn biên lợi nhuận trong giai đoạn mới.

Trước áp lực cước tàu biển tăng cao và nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng đơn lẻ trong các tháng cuối năm 2026, các doanh nghiệp nhập khẩu Việt Nam cần chủ động triển khai các giải pháp sau:

+ Đối với các nguồn cung có địa lý xa như Mêhicô, Canada hay Anh, doanh nghiệp nên tận dụng các trung tâm trung chuyển nội khối có hạ tầng logistics mạnh như Singapore để gom hàng, phân phối và áp dụng quy tắc cộng gộp xuất xứ, giúp giảm chi phí vận tải chặng dài trực tiếp.

+ Doanh nghiệp nên thương thảo chuyển từ mua FOB (tự chịu rủi ro và chi phí thuê tàu) sang CFR hoặc CIF để đẩy trách nhiệm và áp lực tìm tàu, đàm phán cước phân khúc sỉ cho các nhà cung ứng lớn tại nước sở tại đảm nhận.

+ Thay vì mua cước giao ngay vốn biến động mạnh vào mùa cao điểm cuối năm, doanh nghiệp cần ký kết các hợp đồng nguyên tắc dài hạn từ 6 tháng với các liên minh hãng tàu lớn để chốt giá trần và bảo đảm không gian chứa hàng trên tàu.

+ Tăng tỷ lệ dự trữ hợp lý đối với các linh kiện, phụ tùng thay thế có tính hao mòn cao từ 30 ngày lên 45-60 ngày sản xuất để phòng ngừa độ trễ giao hàng bị kéo dài do kẹt cảng cuối năm.